

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT
Ngày: 16-4-2019
V/v “Tranh chấp lỗi đi chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: “Lỗi đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1970; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Bà Trương Thị Vân N, sinh năm: 1976; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1945; cư trú tại số B, quốc lộ C, thị trấn Z, huyện F, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ông Lục Phùng Đ1, sinh năm: 1965; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

6. Bà Trương Thị Thu H1, sinh năm: 1968; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H1, ông Đ, ông Đ1: Bà Trương Thị Vân N, sinh năm: 1976; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; ông Lê Thanh L, sinh năm: 1970; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1945; cư trú tại số 80 tổ 20, Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 14, quyển số 01/2015-SCT/CK,ĐC do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 21/3/2019), có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm: 1971; cư trú tại: thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thái Viết P1, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng), vắng mặt.

2. Bà La Thị Minh T, sinh năm: 1971; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị Ngọc L1, sinh năm: 1972; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Bà Lâm Thị H2, sinh năm: 1982; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị T1, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

6. Bà Bùi Thị N1, sinh năm: 1958; cư trú tại buôn ĐT, xã KN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1957; cư trú tại thôn T, xã ĐM, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Lê Thanh L là nguyên đơn

và là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H thì:

Vào năm 1994 gia đình ông cùng một số hộ dân vào làm ăn sinh sống tại thôn A, xã X, huyện E cũ (nay là huyện Y), tỉnh Lâm Đồng; đến năm 1995 chính quyền địa phương quy hoạch sắp xếp ổn định khu dân cư và chủ trương làm một con đường đi chung từ nhà ông đến phía sau trạm Công an xã X có chiều rộng khoảng 4,7m và sử dụng đi lại cho đến nay. Tuy nhiên, đến ngày 26/12/2017 thì gia đình ông P ngăn cản không cho gia đình ông và các hộ dân đi qua con đường nêu trên. Mặc dù hiện nay nhà và đất hiện gia đình ông có chiều ngang 05m, chiều sâu 100m; mặt trước giáp Quốc lộ 27 và mặt sau là giáp đường đi nhà ông H3. Nhưng vì mục đích chung là đất công ích, con đường dân sinh đi từ trước đến giờ nên ông và các hộ dân khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông P phải trả lại hiện trạng ban đầu của con đường đi như biên bản hiện trạng đo vẽ của Tòa án ngày 25/10/2018 với diện tích khoảng 201m² tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng. Nếu ông P cho rằng đất ông nhận chuyển nhượng của ông T2 là hợp pháp thì ông phải cung cấp các chứng cứ để chứng minh được quyền sử dụng của mình đối với diện tích tranh chấp đường đi chung nêu trên, ông và các hộ dân sẽ rút yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Minh T trình bày: trong thực tế vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T2 hai lần vào năm 1999 và 2010, lô đất nhận chuyển nhượng có chiều ngang 05m, chiều dài 100m giáp đất ông L. Tuy nhiên, vợ chồng ông, bà mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần phía trước có diện tích 112m² thuộc thửa 850, tờ bản đồ số 11 tại xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; phần đất các đồng nguyên đơn đang tranh chấp thuộc phần diện tích đất còn lại vợ chồng ông, bà chưa làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất vì thuộc quy hoạch chung của xã trước đây vào năm 2005. Chỉ khi nào cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch tại địa phương đúng quy định của pháp luật thì vợ chồng ông, bà sẽ chấp hành. Do đó việc ông L và các hộ khác khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả lại hiện trạng phần đất trống phía sau nhà ông, bà có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của ông T2 thì vợ chồng ông, bà không đồng ý.

Đối với các lô đất mà vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng lại giáp nhà ông Đ cũng là đồng nguyên đơn khởi kiện trong vụ án thì trước đây có nguồn gốc của ông KP chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị N1 (mẹ ông Đ). Sau đó bà N1 phân thành nhiều lô và chuyển nhượng cho ông một lô; ông Đ chuyển nhượng cho ông một lô; ông L3 chuyển nhượng cho ông một lô; tại thời điểm đó đã có một con đường mòn có chiều rộng khoảng 2m nối từ đường đi nhà ông H3 hiện nay đến sau chót Công an xã X như Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lâm Đồng lập ngày 25/10/2018 và hiện nay ông Đ vẫn

sử dụng con đường đó đi lại bình thường, không có ai ngăn cản. Tất cả các lô đất ông nhận chuyển nhượng đều có giấy tờ đầy đủ.

Ông L cùng một số hộ dân khởi kiện mà thực tế chỉ có hai hộ gia đình có đất giáp liền kề đất gia đình ông là gia đình ông L và ông Đ. Đất của gia đình ông L có nhà mặt trước giáp đường Quốc lộ 27, mặt sau giáp đường đi ông H3; còn hộ gia đình ông Đ thì từ trước tới giờ vẫn đi trên con đường mòn có chiều ngang 02m phía trước nhà. Hơn nữa, phía phần hông nhà ông Đ là giáp đường đi nhà ông H3. Như vậy, hộ ông L và ông Đ đều có điều kiện đi lại bình thường; còn lại các hộ gia đình khác là nguyên đơn không có nhà và đất giáp ranh, liền kề với các lô đất của ông mà hiện nay các bên đang tranh chấp lối đi.

Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng thì vào năm 1995 Ủy ban nhân dân xã X, huyện E cũ (nay là huyện Y) có chủ trương mở đường để phục vụ dân sinh, khi đó được người dân đồng tình ủng hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện hiến đất để làm đường và chuyển dọn nhà nhưng trong quá trình thực hiện thì vấp phải sự phản đối của một số hộ dân do đó chủ trương này không thực hiện được. Sau đó ông T2 đã lấy đất của mình và chuyển nhượng cho vợ chồng ông P, bà T. Đối với việc tranh chấp lối đi giữa các bên Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Diện tích đất liên quan đến tranh chấp giữa các bên hiện nay không phải là đất công ích của xã mà là đất của dân, lô đất thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 11 tại xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Bùi Thị N1 trình bày: Nguồn gốc lô đất mà bà chuyển nhượng cho ông L3, ông P và cho con bà là Nguyễn Văn Đ, toàn bộ diện tích đất này bà nhận chuyển nhượng vào năm 1995 của ông KP. Hiện trạng lúc chuyển nhượng là đất trống và đã có một con đường mòn chiều rộng khoảng 02m để đi lại. Đến năm 2006 thì bà cho con trai bà là ông Đ một lô, hiện nay con trai bà đang ở trên mảnh đất này và sử dụng đường đi bình thường không có ai ngăn cản.

Nay con bà và ông L cùng một số hộ dân kiện ông P mở lối đi chung thì bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Theo bà thì chỉ hộ gia đình ông Đ sinh sống ở đó, xung quanh là đất của ông P và đường đi có chiều rộng 2m hiện vẫn còn.

Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Năm 1996 ông có đến sinh sống tại xã X, huyện E cũ (nay là huyện Y) và có nhận chuyển nhượng của ông Phạm LT một lô đất. Đến năm 2000 thì ông chuyển vào sống ở xã ĐM, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng. Khi Nhà nước có chủ trương làm đường thì ông đã đồng ý hiến đất và di chuyển nhà nhưng sau đó Nhà nước không làm đường nữa thì đất của ông một phần bị bà Phạm Thị H lấn chiếm, phần còn lại ông chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông P, bà T nay là diện tích đất mà các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông L và một số hộ dân đối với vợ chồng ông P, bà T yêu cầu mở con đường trên diện tích đất của ông đã chuyển nhượng cho ông P trước đó là không đúng, do đó ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì đây không phải con đường duy nhất các bên đang tranh chấp mà vẫn còn các con đường khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Bùi Thị Ngọc L1 (vợ ông L), Lâm Thị H2 (vợ ông Đ), Bùi Thị T1 (vợ ông Đ1): Các bà đều thống nhất với lời khai cũng như yêu cầu của ông Lê Thanh L và không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 02/2019/DS-ST ngày 25/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, ông Lục Phùng Đ1, bà Phạm Thị H về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Minh T (có sơ đồ hiện trạng vị trí tranh chấp ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã X kèm theo Bản án).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 11/02/2019 ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Đ, bà H, ông L, bà Nhung vẫn giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bà H1, ông Đ1 là bà H, bà Nhung, ông L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H. Đồng thời không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông P phải trả lại hiện trạng ban đầu của con đường đi với

diện tích khoảng 201m² thuộc một phần thửa 503, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp lối đi chung*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng: Nguồn gốc lô đất tranh chấp có diện tích 201m² (chiều rộng hai cạnh là 5,5m và 5,7m, chiều dài 36m) thuộc một phần thửa số 503, tờ bản đồ số 11 tọa tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng các bên trình bày có sự mâu thuẫn nhau, các đồng nguyên đơn cho rằng diện tích đất này là con đường đã có từ năm 1995; đến năm 2005 thì Ủy ban nhân dân xã có chủ trương thi công lại cho các hộ dân đi lại. Đến năm 2017 ông P nhận chuyển nhượng lại diện tích đất này và không cho các hộ dân đi qua nên phát sinh tranh chấp còn ông P thì cho rằng nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T2 hai lần vào năm 1999 và 2010, khi nhận chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay với nhau. Ông T2 cũng thừa nhận việc mình chuyển nhượng đất cho ông P và xuất trình chứng cứ nguồn gốc đất của ông là do ông KP chuyển nhượng lại, có chữ ký xác nhận của ông KP. Hiện nay, giữa ông P và ông T2 cũng không có tranh chấp về việc chuyển nhượng đất này.

[3] Xét thấy theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng thì vào năm 1995 Ủy ban nhân dân xã có chủ trương mở đường để phục vụ dân sinh, khi đó được người dân đồng tình ủng hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện hiến đất để làm đường nhưng trong quá trình thực hiện vấp phải sự phản đối của một số hộ dân nên chủ trương này không thực hiện được. Sau đó ông T2 đã lấy lại đất và chuyển nhượng cho vợ chồng ông P, bà Trang. Diện tích đất các bên tranh chấp hiện nay không phải là đất công ích của xã mà là đất của dân là phù hợp với lời khai của ông T2 và biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 12/5/2000 thể hiện việc ông T2 ký xác nhận đồng ý di chuyển nhà để làm đường. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 24/01/2019 thì ông HĐN, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng xác định hiện nay không có văn bản pháp lý nào để xác định vị trí đất tranh chấp là đất công ích mà cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, có cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp là của ông T2 chuyển nhượng cho ông P chứ không phải là lối đi chung như các đồng nguyên đơn trình bày.

[4] Theo sơ đồ hiện trạng vị trí đất tranh chấp ngày 25/10/2018 và ngày 16/01/2019 thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là 201m² thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 11 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng chỉ giáp với diện tích đất ông L và ông Đ. Tuy nhiên, hiện trạng thực tế diện tích đất của ông L có mặt tiền giáp Quốc lộ 27, mặt sau giáp đường đi nhà ông Đào Thanh H3 rộng 5m; diện tích đất của ông Đ có đường đi hiện hữu 2m và ông vẫn sử dụng con đường này để đi lại bình thường không ai ngăn cản, phía hông nhà ông

Đ giáp đường đi nhà ông H3 rộng 5m. Mặt khác bà N1 là mẹ ông Đ cũng thừa nhận khi nhận chuyển nhượng đất từ ông KP đã có một con đường mòn chiều rộng khoảng 2m, nay ông Đ vẫn sử dụng đường đi bình thường không ai ngăn cản, do vậy hai hộ này không thuộc trường hợp không có đường đi vào đất của mình để buộc phải mở lối đi chung.

[5] Theo hồ sơ thể hiện cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, đã xác định chỉ có nhà ông L và nhà ông Đ là giáp ranh đất tranh chấp, các hộ còn lại gồm bà N, bà H1, ông Đ1 hiện nay có nhà giáp quốc lộ 27, không có tiếp giáp phần đất tranh chấp nói trên, bà H thì sinh sống ở huyện F do vậy không trực tiếp liên quan đến phần đất này. Do các đương sự này cho rằng vẫn có nhu cầu sử dụng lô đất tranh chấp làm đường đi chung cho tất cả các hộ nên cùng có đơn khởi kiện, cấp sơ thẩm xác định các hộ này là nguyên đơn, đánh giá toàn diện vụ án, xác định nhu cầu sử dụng thực tế của các bên để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, bà H1, bà H, ông Đ1 cùng với yêu cầu khởi kiện của ông L và ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát cho rằng các đương sự vừa nêu không có quyền khởi kiện để hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H; cần giải quyết theo hướng không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm về phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

[6] Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp lối đi chung của các hộ dân đối với ông P là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên án sơ thẩm xác định lô đất mà các bên đang tranh chấp là của ông P nhưng không tuyên tạm giao phần đất tranh chấp này cho bị đơn quản lý, sử dụng và dành quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là có thiếu sót và chưa triệt để, cần sửa lại phần này.

[7] Ngoài ra theo hồ sơ thể hiện thì bà Phạm Thị H, sinh năm: 1945, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì bà H đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H phải nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác do đó cần miễn án phí cho bà H là phù hợp.

[8] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H về việc tranh chấp lối đi chung là lô đất có diện tích 201m² thuộc một phần thửa đất

số 503, tờ bản đồ số 11 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[9] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên các đồng nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xác minh, đo vẽ tài sản tranh chấp tại giai đoạn sơ thẩm là 1.850.000đ (đã quyết toán xong tại giai đoạn sơ thẩm).

[10] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 157, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 245, 248 và Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H; sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành Long, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, ông Lục Phùng Đ1, bà Phạm Thị H về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” đối với ông Nguyễn Hồng P.

2. Tạm giao cho vợ chồng ông Nguyễn Hồng P, bà La Thị Minh T quản lý, sử dụng lô đất có diện tích là 201m² thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng (có họa đồ kèm theo).

Vợ chồng ông Nguyễn Hồng P, bà La Thị Minh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lục Phùng Đ1, bà Trương Thị Vân N, bà Trương Thị Thu H1, bà Phạm Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm

định tại chỗ, chi phí xác minh, đo vẽ tài sản tranh chấp tại giai đoạn sơ thẩm là 1.850.000đ (đã quyết toán xong tại giai đoạn sơ thẩm).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc ông Lê Thanh L phải chịu 416.600đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003712 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; ông L được nhận lại 91.700đ.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 416.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003736 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; ông Đ được nhận lại 91.700đ.

+ Buộc ông Lục Phùng Đ1 phải chịu 416.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003737 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; ông Đ1 được nhận lại 91.700đ.

+ Buộc bà Trương Thị Vân N phải chịu 416.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003738 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; bà N được nhận lại 91.700đ.

+ Buộc bà Trương Thị Thu H1 phải chịu 416.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003739 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; bà H1 được nhận lại 91.700đ.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị H, bà H được nhận lại số tiền 208.300đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003604 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Y, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch